

Số: 19 /2018/QĐST-KDTM

Nam Từ Liêm, ngày 12 tháng 11 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 30; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST-KDTM, ngày 04 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH MTV A**

Địa chỉ: Số 22, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: **Ngân hàng MCP B**

Địa chỉ: Số 41 và 45 L, phường B, quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình N – Chuyên viên. Theo giấy ủy quyền số 23/2017/UQ-OCB ngày 05/6/2017.

- Bị đơn: **Công ty cổ phần C.**

Địa chỉ: B20, lô 19, khu đô thị Đ, phường Đ, quận H, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh Đ – Chủ tịch HĐQT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đình S; bà Phạm Thị H; chị Nguyễn Thị H; anh Nguyễn Đình H; chị Nguyễn Thị E.

Cùng địa chỉ: Cụm 5, thôn B, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về công nợ: Tính đến ngày 22/8/2018 Công ty cổ phần C xác nhận nợ với Ngân hàng TMCP B tổng số tiền là: 2.212.884.966 (hai tỷ, hai trăm mười hai triệu, tám trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó.

Nợ gốc là: 1.009.513.732 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 1.203.371.235 đồng.

- Về phương án trả nợ: Ngày 25/11/2018 Công ty cổ phần C thanh toán trả Ngân hàng TMCP B là: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Công ty cổ phần C thanh toán trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP B vào ngày 30/12/2018.

Về lãi suất: kể từ ngày 23/8/2018 Công ty cổ phần C phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP B theo hợp đồng tín dụng đối với số nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ bao gồm, nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Trường hợp Công ty cổ phần C không thanh toán trả nợ theo thỏa thuận thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo qui định của pháp luật mà hộ gia đình ông Nguyễn Đình S đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi toàn bộ khoản nợ cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ số X, tại cụm I, thôn B, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01368/QSĐĐ/ĐP do UBND huyện Đ cấp ngày 05 tháng 8 năm 2003, cho hộ gia đình ông Nguyễn Đình S. Tài sản đảm bảo này đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0024/2012/BĐ ngày 26/12/2012, ký tại Văn phòng công chứng H và đăng ký giao dịch đảm bảo theo qui định của pháp luật ngày 04/01/2013 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Về án phí: Công ty cổ phần C tự nguyện chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 38.128.849đ (Ba mươi tám triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm bốn chín đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền 49.129.000đ (Bốn mươi chín triệu, một trăm hai mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AK/2010/0007841 ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quân N;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục T.H.A dân sự Q. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Kim Thanh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).